

# BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TRONG VIỆC XÂY DỰNG “TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ”

TRẦN VĂN HẢI\*

Ngày nhận bài: 25/11/2017

Ngày phản biện: 05/12/2017

Ngày đăng bài: 25/12/2017

## **Tóm tắt:**

Sự phát triển của khoa học và công nghệ (KH&CN) đã thúc đẩy việc trao đổi, phổ biến, truyền bá, kế thừa kết quả nghiên cứu để tránh nghiên cứu lặp lại gây lãng phí tài nguyên trí tuệ và các tài nguyên khác. Việc nhanh chóng đưa tri thức KH&CN vào trường học để người học tiếp cận nhanh chóng và thuận tiện là việc làm cần thiết. Từ đó hình thành nhu cầu truy cập mở và tài nguyên giáo dục mở thông qua thư viện số trên internet. Tuy nhiên sự phát triển của internet cũng dễ dàng xâm phạm quyền tác giả.

Bài viết phân tích quy định quốc tế và kinh nghiệm của một số quốc gia về truy cập mở và tài nguyên giáo dục mở nhằm hạn chế việc xâm phạm quyền tác giả trên internet, đề xuất giải pháp xây dựng thư viện số trong các trường đại học tại Việt Nam.

## **Từ khóa:**

Quyền tác giả, truy cập mở, tài nguyên giáo dục mở.

## **Abstract:**

The development of science and technology has encouraged exchanging, spreading, broadcasting and inheriting research results, which contributes to deterring the research duplication, therefore intellectual resources and other resources are not wasted. It is fundamental for scientific and technological knowledge to be added into school curriculum, so that the learners may quickly and conveniently access. The need for open access and open educational resources through digital libraries on the Internet then emerges. However, the development of the Internet also causes frequent infringement of copyright.

The paper analyzes international regulations and the experience of some countries in building open access and open educational resources while restricting the violation of copyright, and recommends some solutions for building digital library in the universities in Vietnam.

## **Keywords:**

Copyright, Open Access, Open Educational Resources.

\* PGS.TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: tranhailinhvn@yahoo.com

## 1. Mở đầu

Internet ra đời có thể giúp tác giả đưa tác phẩm của mình tới công chúng một cách nhanh chóng và thuận tiện. Nhưng internet cũng tạo điều kiện dễ dàng thực hiện các hành vi sao chép, phát tán trái phép tác phẩm, xâm phạm quyền công bố và quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm, quyền của tác giả về bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ (KH&CN) thúc đẩy nhu cầu trao đổi, phổ biến, truyền bá, kế thừa kết quả nghiên cứu để tránh nghiên cứu lặp lại gây lãng phí tài nguyên trí tuệ và các tài nguyên khác, từ đó hình thành nhu cầu “truy cập mở” (*Open Access*).

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, việc nhanh chóng đưa tri thức KH&CN vào trường học với tiêu chí để người học tiếp cận nhanh chóng và thuận tiện là việc làm cần thiết, từ đó hình thành nhu cầu về “tài nguyên giáo dục mở” (*Open Educational Resources*).

## 2. Quy định quốc tế về truy cập mở

### 2.1. Sáng kiến Budapest

Thuật ngữ “truy cập mở” (*Open Access*) lần đầu tiên được công bố trong *Sáng kiến truy cập mở Budapest (Budapest Open Access Initiative)* vào tháng 2/2002. Sáng kiến này cho phép người sử dụng quyền truy cập miễn phí trên internet công cộng, có thể đọc, tải xuống, sao chép, phân phối, in ấn tài liệu, chuyển chúng sang phần mềm hoặc sử dụng chúng cho bất kỳ mục đích hợp pháp mà không có các rào cản về tài chính, pháp lý hoặc kỹ thuật, với điều kiện người truy cập phải tôn trọng các quyền nhân thân của tác giả, trong đó nhấn mạnh đến quyền đứng tên đối với tác phẩm, quyền đặt tên cho tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

Như vậy, *Sáng kiến Budapest* không đề cập đến việc bảo hộ quyền tài sản đối với tác phẩm khi được số hóa và chia sẻ trên internet.

### 2.2. Tuyên bố Bethesda

*Tuyên bố Bethesda về xuất bản truy cập mở (Bethesda Statement on Open Access Publishing)*. Ngày 11/4/2003, Viện Y khoa Howard Hughes đã tổ chức cuộc họp để thảo luận về quyền tiếp cận các tài liệu học thuật, cuộc họp đã đưa ra định nghĩa về “Tạp chí truy cập mở” (*Open Access Journal - OAJ*), đề cập đến việc cấp quyền truy cập, quyền sao chép, sử dụng, phân phối, truyền tải và hiển thị tác phẩm khoa học – là kết quả nghiên cứu một cách công khai, miễn phí trên phạm vi toàn cầu. Cần phải thấy rằng, theo nguyên tắc bảo hộ tự động đối với tác phẩm nói chung, trong đó có tác phẩm khoa học theo quy định của Công ước Berne 1886, tại thời điểm một tác phẩm khoa học được công bố tại một quốc gia thành viên, thì ngay lập tức và vô điều kiện, nó phải được tất cả các quốc gia thành viên còn lại bảo hộ. Một trong những nội dung bảo hộ là bảo hộ quyền sao chép tác phẩm khoa học, như vậy cụm từ “miễn phí trên phạm vi toàn cầu” nêu trên được xem là một chi tiết rất mạnh của *Tuyên bố Bethesda*.

Trong khi *Sáng kiến Budapest* chưa đề cập đến việc thực hiện và phân phối các tác phẩm phái sinh, thì OAJ đã cho phép thực hiện tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm gốc thông qua công cụ truy cập mở, có nghĩa rằng người truy cập mở có quyền dịch tác phẩm gốc sang một ngôn ngữ khác, có quyền đưa tác phẩm gốc vào bộ sưu tập... phục vụ mục đích nghiên cứu. *Tuyên bố Bethesda* còn đảm bảo cho phép người truy cập mở có quyền tái sử dụng kết quả nghiên cứu (*a license granting rights for reuse*). Như vậy, với *Tuyên bố Bethesda*, người truy cập có quyền tiếp cận các kết quả nghiên cứu đã công bố, sử dụng chúng vào mục đích nghiên cứu của mình.

*Tuyên bố Bethesda* không nêu nghĩa vụ tài sản của người nghiên cứu khi sử dụng kết quả nghiên cứu đã công bố thông qua truy cập mở, phải chia sẻ thu nhập (nếu có) từ kết quả nghiên cứu của mình cho tác giả của các kết quả nghiên cứu đã công bố, mà chỉ quy định nghĩa vụ phải đảm bảo quyền nhân thân đối với tác giả của các kết quả nghiên cứu đã công bố, bao gồm quyền đứng tên đối với tác phẩm, quyền đặt tên cho tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

### **2.3. Tuyên bố Berlin**

Tuyên bố Berlin về truy cập mở đối với kiến thức khoa học và nhân văn (*Berlin Declaration on Open Access to Knowledge in the Sciences and Humanities*)

*Tuyên bố Berlin* đã cho phép quyền truy cập mở kể cả đối với những kiến thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Ngoài việc công nhận các quyền như *Sáng kiến Budapest* và *Tuyên bố Bethesda* đã nêu, *Tuyên bố Berlin* có điểm đáng lưu ý, đó là những người truy cập mở có quyền tạo ra một số lượng nhỏ các bản sao in cho mục đích sử dụng cá nhân của họ (*the right to make small numbers of printed copies for their personal use*). Tuy nhiên văn bản này cũng không định nghĩa thuật ngữ “một số lượng nhỏ các bản sao”.

*Tuyên bố Berlin* chỉ đề cập đến việc cho phép truy cập mở đối với các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, như đã biết kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn không phải là đối tượng của sáng chế, do đó quyền tài sản đối với kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn thường chỉ tập trung chủ yếu vào quyền sao chép, quyền cho làm tác phẩm phái sinh.

### **2.4. Quy định của OECD về truy cập mở**

Tháng 1/2004, Hội nghị Bộ trưởng KH&CN các nước OECD, Trung Quốc, Israel, Nga và Nam Phi đã họp tại Paris để thảo luận nhu cầu quốc tế về tiếp cận dữ liệu nghiên cứu. Hội nghị đã thông qua Tuyên bố về truy cập dữ liệu nghiên cứu từ tài trợ công (*Declaration on Access to Research Data from Public Funding*), trong đó công nhận tầm quan trọng của việc tiếp cận các dữ liệu nghiên cứu ở quy mô toàn cầu và đề nghị OECD xây dựng một bộ hướng dẫn nguyên tắc chung để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc truy cập dữ liệu nghiên cứu từ nguồn tài trợ công.

Từ tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng KH&CN các nước OECD và các quốc gia trên, OECD (2004) đã ban hành nguyên tắc và hướng dẫn về truy cập dữ liệu nghiên cứu từ tài trợ công (*Principles and Guidelines for Access to Research Data from Public Funding*).

Trong văn bản này, OECD (2004) đã định nghĩa dữ liệu nghiên cứu (*Research data*) và dữ liệu nghiên cứu từ tài trợ công (*Research data from public funding*), đồng thời đưa ra các nguyên tắc truy cập dữ liệu nghiên cứu, trong đó nhấn mạnh đến nguyên tắc cởi mở (*Openness*), linh hoạt (*Flexibility*), minh bạch (*Transparency*), phù hợp về luật pháp (*Legal conformity*), bảo hộ sở hữu trí tuệ (*Protection of intellectual property*), trách nhiệm chính thức (*Formal responsibility*), chuyên nghiệp (*Professionalism*), khả năng tương tác (*Interoperability*), chất lượng (*Quality*), an ninh (*Security*), hiệu quả (*Efficiency*), giải trình (*Accountability*), bền vững (*Sustainability*).

OECD cũng nhấn mạnh rằng việc truy cập mở đối với dữ liệu nghiên cứu từ nguồn tài trợ công sẽ thúc đẩy sự phát triển của KH&CN nói chung trên phạm vi toàn cầu, tiết kiệm chi phí trong nghiên cứu và tránh nghiên cứu lặp lại.

### **3. Quy định quốc tế về tài nguyên giáo dục mở**

#### **3.1. Sự hình thành và phát triển tài nguyên giáo dục mở**

Quá trình hình thành và phát triển tài nguyên giáo dục mở (*Open Educational Resources – OER*), theo Butcher N. and Moore A. (2015) đã có các sự kiện:

- Tháng 01/1999: Đại học Tubingen thuộc Cộng hòa Liên bang Đức đã xuất bản các video chuyển tải bài giảng của mình trên internet, đây được xem là trường hợp đầu tiên ghi nhận sự ra đời của OER;

- Tháng 09/2002: Viện Công nghệ Massachusetts Hoa Kỳ (*Massachusetts Institute of Technology - MIT*) công bố chương trình Open Courseware<sup>1</sup> trên internet, với 32 khóa học ban đầu, đây được xem là bộ sưu tập chuyên sâu và hoàn chỉnh nhất về OER.

- Năm 2002, UNESCO triệu tập Diễn đàn về tác động của Open Courseware cho giáo dục đại học ở các nước đang phát triển (*Forum on the Impact of Open Courseware for Higher Education in Developing Countries*) để thảo luận về tầm quan trọng và sự cần thiết phải xây dựng OER đối với các trường đại học tại các quốc gia đang phát triển.

- Tháng 11/2003: Trung tâm Tài nguyên mở của Trung Quốc (*China Open Resources for Education*) được thành lập với sự cộng tác của *MIT Open Courseware*, nhằm cung cấp nguồn OER cho các trường đại học ở Trung Quốc.

- Tháng 01/2005: Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục và Đổi mới OECD (*OECD's Centre for Educational Research and Innovation*) ra báo cáo “Tạo tri thức miễn phí bằng OER”

---

<sup>1</sup> “Courseware” là một thuật ngữ dùng để chỉ giáo trình, bài giảng môn học và các tài liệu khác kèm theo môn học đó, do trường đại học công bố trên website mở, trong đó có thể kèm theo hướng dẫn và cũng có thể ở dạng thô (không kèm theo hướng dẫn), với mục đích dành cho những người tự học và những khác tham khảo, không có phần hỗ trợ hoặc tham gia của giảng viên môn học đó.

(*Giving Knowledge for free: the Emergence of OER*), báo cáo này ghi nhận sự nghiệp giáo dục và đổi mới chỉ có thể phát triển thông qua việc tạo lập kho tri thức OER miễn phí và công khai, nhằm nhanh chóng đưa tri thức đến người học một cách nhanh chóng và thuận tiện thông qua truy cập mở trên internet.

- Tháng 09/2007: Trường Đại học Y khoa Michigan đã xuất bản tất cả các tài liệu giáo khoa tiền lâm sàng là OER, cho phép những người có nhu cầu được tiếp cận thông qua công cụ internet miễn phí.

- Tháng 01/2008: Viện Open Society và Quỹ Shuttleworth đã công bố Bản Tuyên bố giáo dục mở Cape Town (*Cape Town Open Education Declaration*), kêu gọi các chính phủ và nhà xuất bản thế giới cung cấp các tài liệu giáo dục trên internet miễn phí.

- Tháng 03/2009: Youtube ra mắt Youtube EDU, một kênh miễn phí cung cấp các tài liệu giáo dục từ các trường đại học trên thế giới và các bài giảng của giáo sư và nhà lãnh đạo nổi tiếng.

- Tháng 04/2011: Bangladesh là quốc gia đầu tiên trên thế giới số hóa bộ sách giáo khoa phổ thông hoàn chỉnh từ lớp 1 đến lớp 12 trên OER.

- Tháng 06/2012, UNESCO ra Tuyên bố Paris về OER (*The Paris Open Educational Resources Declaration*) với nội dung khuyến khích nâng cao nhận thức và sử dụng OER, thúc đẩy sự phát triển và áp dụng OER giữa các quốc gia với các ngôn ngữ và các nền văn hóa khác nhau, thúc đẩy việc cấp phép OER được tạo ra từ ngân sách nhà nước.

Qua những tài liệu vừa nêu trên cho thấy xu hướng khuyến khích xây dựng OER của các tổ chức quốc tế và một số quốc gia trên thế giới nhằm nhanh chóng công bố tri thức giáo dục đến người học, việc công bố này có phạm vi trên toàn cầu và không bị giới hạn bởi ngôn ngữ và các nền văn hóa khác nhau.

### **3.2. Định nghĩa tài nguyên giáo dục mở**

Có thể ghi nhận một số định nghĩa sau đây về OER:

- Theo Butcher N. and Moore A. (2015), William and Flora Hewlett Foundation đã định nghĩa: *OER là tài liệu giáo dục được cấp phép miễn phí và công khai, được sử dụng cho mục đích giảng dạy, học tập, nghiên cứu và các mục đích khác*<sup>2</sup>. Trong định nghĩa này, thuật ngữ “cấp phép” để ở thì quá khứ (*licensed*), có nghĩa là OER chỉ được coi là hợp pháp khi đã được chủ sở hữu tài liệu cho phép công bố, sao chép, dịch...

- OECD (2005)<sup>3</sup> định nghĩa *OER là các tài liệu được số hóa, cung cấp tự do và công khai cho giảng viên, sinh viên và người học tự học để sử dụng và tái sử dụng cho mục đích*

---

<sup>2</sup> Nguyên văn: *OER are free and openly licensed educational materials that can be used for teaching, learning, research, and other purposes*. Trong văn bản này không thấy giới hạn cụm từ “other purposes” có bao gồm mục đích thương mại hay không.

<sup>3</sup> OECD (2005), *Giving Knowledge for Free: The Emergence of Open Educational Resources*, Centre for Educational Research and Innovation.

giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Công cụ để phát triển, sử dụng, phân phối nội dung và thực hiện OER là giấy phép mở.

- Theo UNESCO (2011), OER là bất cứ tài liệu giảng dạy, học tập và phương tiện nghiên cứu nào trên bất cứ phương tiện nào đặt trong lĩnh vực công và được đăng tải theo giấy phép mở cho phép người khác truy cập, sử dụng, thay đổi mục đích, sử dụng lại và phân phối lại không hạn chế hoặc ít hạn chế. OER có thể gồm các khóa học/chương trình đầy đủ, tài liệu của các môn học, các module, tài liệu hướng dẫn học sinh, bài giảng, sách giáo khoa, các bài nghiên cứu, băng video, các công cụ và dụng cụ đánh giá, tài liệu tương tác như mô phỏng, đóng vai, cơ sở dữ liệu, phần mềm, các ứng dụng (kể cả các ứng dụng di động) và bất cứ tài liệu giáo dục hữu dụng nào. Thuật ngữ OER không đồng nghĩa với học trực tuyến, eLearning hay học tập di động (mobile learning), OER có thể chia sẻ được dưới hình thức kỹ thuật số, cũng có thể in thành văn bản;

- Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (2015) đã ban hành bộ quy tắc yêu cầu tất cả các tài liệu giáo dục được tạo ra bằng ngân sách liên bang phải được cấp phép công khai để bất kỳ trường học nào có quyền truy cập miễn phí, đặc biệt bộ quy tắc này còn cho phép giáo viên được quyền sáng tạo bằng cách chỉnh sửa OER để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh mà không bị coi là vi phạm pháp luật về quyền tác giả<sup>4</sup>.

Tổng hợp từ các định nghĩa trên đây, có thể tóm tắt về truy cập mở và OER:

- Sử dụng tác phẩm thông qua công cụ internet miễn phí.
- Phải được sự cho phép của chủ sở hữu tác phẩm.
- Đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với các tác phẩm được tạo ra bằng ngân sách nhà nước, có nghĩa vụ đưa các tác phẩm này vào OER.
- Người sử dụng OER đối với các tác phẩm được tạo ra bằng ngân sách nhà nước có quyền tái công bố tác phẩm và toàn bộ quyền tài sản đối với các tác phẩm này.
- Người sử dụng OER có nghĩa vụ tôn trọng quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền đứng tên đối với tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của tác giả đối với tác phẩm gốc (tuy nhiên có trường hợp ngoại lệ như đã nêu trong tài liệu của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ công bố 2015).

Vấn đề khó nhất để tồn tại OER là chủ thể nào có quyền cho phép? Việc xác định tác giả của tác phẩm là không khó, nhưng xác định chủ sở hữu của tác phẩm bao gồm sách giáo khoa, bài giảng, sách tham khảo, sách chuyên khảo, khóa luận, luận văn, luận án, bài báo khoa học, đề tài khoa học... trong nhiều trường hợp là không đơn giản.

---

<sup>4</sup> Nguyên văn: “Openly licensed educational resources support teachers as creative professionals by giving them the ability to adapt and customize learning materials to meet the needs of their students without breaking copyright laws”. Trích từ U.S. Department of Education (2015), *Department proposes rule requiring educational materials created with federal grants to be openly licensed so that any school has access.*

#### 4. Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với OER

Tác giả bài viết này đã có một nghiên cứu liên quan đến pháp luật về quyền tác giả đối với truy cập mở và OER<sup>5</sup>, do đó để không lặp lại nghiên cứu đã công bố chỉ xin nêu tóm tắt mục này:

- Giấy phép (*License*) được dùng với nghĩa chuyển quyền sử dụng tác phẩm<sup>6</sup> theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT).

- Khoản 10 Điều 4 Luật SHTT quy định: *Sao chép là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.*

- Khoản 2 Điều 23 Nghị định 100/2006/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 85/2011/NĐ-CP) quy định: *Quyền sao chép tác phẩm là một trong các quyền tài sản độc quyền thuộc quyền tác giả, do chủ sở hữu thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo ra bản sao dưới hình thức điện tử.*

- Điều 25 Nghị định 100/2006/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 85/2011/NĐ-CP) quy định: *Thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số.*

Như vậy, quy định của pháp luật Việt Nam (trừ Điều 25 Nghị định 100/2006/NĐ-CP) đã cho phép xây dựng OER với các tiêu chí như thông lệ quốc tế đã nêu trên. Việc không cho phép thư viện sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số nhằm đảm bảo quyền công bố và quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm.

#### 5. Giải pháp xây dựng OER trên thư viện số

##### 5.1. Xác định tác giả và chủ sở hữu tác phẩm khoa học là nguồn để xây dựng OER trên thư viện số

Nguồn để xây dựng OER là tác phẩm khoa học gồm: giáo trình, bài giảng, sách tham khảo, sách chuyên khảo, khóa luận, luận văn, luận án, bài báo khoa học, đề tài khoa học... gọi tắt là *tác phẩm khoa học*.

Theo Đoàn Đức Lương (2009), tác giả của tác phẩm khoa học bao gồm giảng viên, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và những người khác. Trong đó đối với khóa luận tác giả là sinh viên, luận văn tác giả là học viên cao học và luận án tiến sĩ tác giả là nghiên cứu sinh. Trong quá trình thực hiện khóa luận, luận văn, luận án, tác giả của chúng được sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học. Người hướng dẫn khoa học có thể là giảng viên cơ hữu

---

<sup>5</sup> Xin tham khảo: Trần Văn Hải (2017), *Những rào cản trong chính sách bảo hộ quyền tác giả đối với truy cập mở và tài nguyên giáo dục mở*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 33, Số 3 (2017), trang 45-57.

<sup>6</sup> Bản tiếng Anh của Luật SHTT Việt Nam do WIPO lưu trữ cũng dùng *Licensing of Copyright* để chỉ việc chuyển quyền sử dụng quyền tác giả.

của cơ sở đào tạo hoặc cũng có thể là người có trình độ chuyên môn ở ngoài cơ sở đào tạo được cơ sở đào tạo mời hướng dẫn cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thực hiện khóa luận, luận văn, luận án. Khoản 2 điều 8 Nghị định 100/2006/NĐ-CP quy định: *Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.* Như vậy, chỉ có sinh viên mới được công nhận là tác giả khóa luận đại học/cao đẳng, học viên cao học là tác giả luận văn thạc sĩ, nghiên cứu sinh là tác giả của luận án tiến sĩ, người hướng dẫn khoa học không được công nhận là đồng tác giả của khóa luận, luận văn, luận án.

Chủ sở hữu tác phẩm khoa học được xác định trên nguyên tắc, tổ chức hoặc cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất để cho các cá nhân tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học thì là chủ sở hữu tác phẩm khoa học. Chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học trong những trường hợp sau:

- Chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học là tổ chức: tổ chức này đã đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật (có thể dùng ngân sách Nhà nước hoặc không dùng ngân sách nhà nước) cho cá cá nhân khác thực hiện việc nghiên cứu theo đơn đặt hàng hoặc hợp đồng nghiên cứu giữa các bên.

- Chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học là cá nhân (không đồng thời là tác giả): cá nhân đã đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho cá cá nhân khác thực hiện việc nghiên cứu theo đơn đặt hàng hoặc hợp đồng nghiên cứu giữa các bên.

- Chủ sở hữu đồng thời là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học: nếu tác giả sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm khoa học thì tác giả là chủ sở hữu tác phẩm này.

Trường hợp giữa tổ chức hoặc cá nhân đầu tư một phần tài chính, cơ sở vật chất và tác giả cũng đầu tư một phần tài chính thì xác định chủ sở hữu trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

Tuy nhiên, việc xác định chủ sở hữu khóa luận, luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học do người học thực hiện trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học tại trường đại học lại không đơn giản. Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, nếu người học phải sử dụng cơ sở vật chất của trường đại học để hoàn thiện tác phẩm khoa học thì quyền sở hữu nó thuộc về trường đại học. Nhưng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khi người học không sử dụng cơ sở vật chất của trường đại học để hoàn thiện tác phẩm khoa học thì việc xác định chủ sở hữu nó vẫn còn bỏ ngỏ, pháp luật chưa điều chỉnh trường hợp này. Việc này phụ thuộc vào quy chế đào tạo của trường đại học. Bài viết này đặt giả định trường đại học là chủ sở hữu tác phẩm khoa học trong trường hợp này.

Chủ sở hữu có quyền công bố tác phẩm khoa học theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản theo quy định tại Điều 20 Luật SHTT<sup>7</sup>.

---

<sup>7</sup> Xin tham khảo thêm: Đoàn Đức Lương (2009), *Sách đã dẫn*.

## **5.2. Quyền cho phép đăng OER trên thư viện số**

Trường đại học (do hiệu trưởng đại diện) có quyền công bố theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản theo quy định tại Điều 20 Luật SHTT đối với:

- Khóa luận, luận văn, luận án... được tạo nên trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học tại trường đại học.

- Giáo trình/bài giảng được sáng tạo nên (có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn tài chính của trường) trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học tại trường đại học.

- Đề tài khoa học cơ bản trong tất cả mọi lĩnh vực khoa học, đề tài khoa học ứng dụng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn được sáng tạo nên (có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn tài chính của trường) trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học tại trường đại học.

Đối với đề tài khoa học ứng dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật được sáng tạo nên (có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn tài chính của trường) trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học tại trường. Cần phân biệt 2 trường hợp:

+ Nếu là đối tượng của sáng chế, được bảo hộ thông qua hình thức cấp patent thì thông tin về chúng đã được công khai trên Công báo tập B do Cục SHTT phát hành tại thời điểm patent được cấp, do đó việc đăng trên website của thư viện số thuộc quyền của hiệu trưởng (trường hợp này nên đăng trên website của thư viện số vì sẽ tăng uy tín khoa học của trường đại học, mặt khác giúp các nhà khoa học không nghiên cứu lặp lại).

+ Nếu kết quả nghiên cứu là giải pháp kỹ thuật, là đối tượng của “bí mật kinh doanh”/không được cấp patent thì quyền của hiệu trưởng có thể quyết định cho phép đăng hoặc không đăng trên website của thư viện số (hiệu trưởng nên cân nhắc để quyết định thời điểm cho phép đăng toàn bộ hay một phần nội dung “bí mật kinh doanh” trên website của thư viện số, căn cứ vào “vòng đời công nghệ” của giải pháp kỹ thuật và thời gian khai thác thương mại của “bí mật kinh doanh”).

Quyền của hiệu trưởng đối với kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ do viên chức thuộc trường thực hiện thì áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 36 Luật Chuyển giao công nghệ 2017: *Trường hợp Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính, đồng thời là tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thì Nhà nước giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức đó.* Như vậy, hiệu trưởng có quyền quyết định cho phép đăng hoặc không đăng trên website của thư viện số đối với các tác phẩm khoa học thuộc dạng này.

Qua phân tích cho thấy, hiệu trưởng trường đại học có quyền:

- *Trường hợp 1:*

Quyền công bố và thực hiện các quyền tài sản đối với tác phẩm được sáng tạo nên trong quá trình hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại trường đại học.

Quyền của hiệu trưởng trong trường hợp này thể hiện ở việc thư viện đại học có quyền công bố tác phẩm, thực hiện các quyền tài sản đối với tác phẩm (kể cả công bố và sao chép tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số).

- *Trường hợp 2:*

Quyền cho phép người khác công bố và thực hiện các quyền tài sản đối với tác phẩm được sáng tạo nên trong quá trình hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại trường đại học.

Quyền của hiệu trưởng trong trường hợp này thể hiện ở việc cho phép thư viện thuộc trường đại học khác có quyền công bố tác phẩm, thực hiện các quyền tài sản đối với tác phẩm (kể cả công bố và sao chép tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số).

Được biết, hiện tại ở Việt Nam có *Liên hiệp Thư viện các trường đại học phía bắc, Liên hiệp Thư viện các trường đại học phía nam*. Các hiệu trưởng có quyền ký thỏa thuận cho phép thư viện của các trường đại học khác có quyền công bố tác phẩm, thực hiện các quyền tài sản đối với tác phẩm thuộc quyền sở hữu của trường mình để xây dựng OER qua thư viện số dùng chung cho các trường đại học.

Pháp luật về quyền tác giả hiện hành không ngăn cấm những quyền này của hiệu trưởng trường đại học.

Khi công bố tác phẩm, thực hiện các quyền tài sản đối với tác phẩm cần dẫn nguồn, với các lưu ý: tên tác giả, năm công bố, tên tác phẩm, tên trường đại học là chủ sở hữu tác phẩm. Đồng thời, cần lưu ý đặc biệt đảm bảo các quyền nhân thân của tác giả bao gồm quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền đứng tên đối với tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

Đối với tác phẩm không được hình thành trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường đại học, đồng thời hiệu trưởng trường đại học không đại diện cho chủ sở hữu tác phẩm như đã phân tích ở trên, thì chủ sở hữu tác phẩm có quyền cho đăng tác phẩm trên website của thư viện số theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 và Điều 20 Luật SHTT, với lưu ý người sử dụng OER phải tôn trọng quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền đứng tên đối với tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm theo quy định tại Khoản 1, 2, 4 Điều 19 Luật SHTT.

### **5.3. Hình thức cấp phép OER trên thư viện số**

Có thể cấp giấy phép theo quy định của WIPO (2016), bộ giấy phép này bao gồm 6 loại, từng giấy phép có các điều kiện khác nhau<sup>8</sup>:

---

<sup>8</sup> WIPO (2016), *Use of the Creative Commons IGO licenses*, Under the WIPO Open Access Policy.

*5.3.1. Giấy phép Creative Commons/Attribution 3.0 IGO*

Giấy phép này cho phép người dùng OER quyền sao chép, phân phối, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm OER, kể cả sử dụng OER với mục đích thương mại, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

*5.3.2. Giấy phép Creative Commons/Attribution-ShareAlike 3.0 IGO*

Giấy phép này cho phép người dùng OER quyền sao chép, phân phối, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm OER, kể cả sử dụng OER với mục đích thương mại, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc. Điểm khác biệt so với giấy phép được nêu tại trường hợp 1 là người sử dụng OER có quyền phân phối lại (*re-distribution*) tác phẩm.

*5.3.3. Giấy phép Creative Commons/Attribution-NonCommercial 3.0 IGO*

Giấy phép này cho phép người dùng OER quyền sao chép, phân phối, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm OER, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

Đối với việc thực hiện các hành vi khác: phải được sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm.

*5.3.4. Giấy phép Creative Commons/Attribution-NoDerivs 3.0 IGO*

Giấy phép này cho phép người dùng OER quyền sao chép, phân phối các ấn phẩm OER, kể cả sử dụng OER với mục đích thương mại (không bao gồm quyền dịch vì mục đích thương mại), với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

Đối với việc thực hiện các hành vi khác: phải được sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm.

*5.3.5. Giấy phép Creative Commons/Attribution-NonCommercial-ShareAlike 3.0 IGO*

Giấy phép này cho phép người dùng OER quyền sao chép, chỉnh sửa, dịch các ấn phẩm OER, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

Đối với việc thực hiện các hành vi khác: phải được sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm.

*5.3.6. Giấy phép Creative Commons/Attribution-NonCommercial-NoDerivs 3.0 IGO*

Dạng giấy phép này được xem là hạn chế nhất. Người sử dụng OER chỉ được phép sao chép các ấn phẩm của OER, với điều kiện tôn trọng quyền đặt tên và quyền đứng tên của tác giả tác phẩm gốc.

Đối với việc thực hiện các hành vi khác: phải được sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu tác phẩm.

## 6. Kết luận

Sự cần thiết của truy cập mở và tài nguyên giáo dục mở đối với sự phát triển của KH&CN, của giáo dục đã được phân tích.

Bài viết này phù hợp với quan điểm về xây dựng *Hệ tri thức Việt số hóa* bắt đầu khởi động từ ngày 01/01/2018 theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó quy định *Kho dữ liệu mở* được đóng góp bởi các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và mỗi người dân, bất kỳ ai cũng có thể tiếp cận kho dữ liệu để giải quyết các nhu cầu của mình và *Nhà phát triển* đóng vai trò hạt nhân trong Hệ sinh thái tri thức, khai thác dữ liệu từ kho dữ liệu mở, phát triển và tích hợp ứng dụng vào kho ứng dụng *Hệ tri thức Việt số hóa*.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Hải (2017), *Những rào cản trong chính sách bảo hộ quyền tác giả đối với truy cập mở và tài nguyên giáo dục mở*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 33, Số 3 (2017), trang 45-57.
2. Trần Lê (2012), *Chỉ dẫn cơ bản về tài nguyên giáo dục mở*, Tạp chí Tin học và Đời sống, số tháng 10/2012, trang 66-69.
3. Đoàn Đức Lương (2009), *Tài liệu chuyên khảo giảng dạy về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học và cao đẳng lĩnh vực khoa học giáo dục*, Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ, mã số B2008-ĐHH 01-67TĐ.
4. Lê Trung Nghĩa (2015), *Hệ thống giấy phép và khía cạnh công nghệ của OER*, Phần mềm tự do nguồn mở cho Việt Nam.
5. Berlin Declaration on Open Access to Knowledge in the Sciences and Humanities.
6. Bethesda Statement on Open Access Publishing.
7. Budapest Open Access Initiative.
8. Butcher N. and Moore A. (2015), *Understanding Open Educational Resources*, Commonwealth of Learning, British Columbia Canada, ISBN 978-1-894975-72-8.
9. OECD (2004), *Declaration on Access to Research Data from Public Funding*.
10. OECD (2004), *Principles and Guidelines for Access to Research Data from Public Funding*.
11. OECD (2005), *Giving Knowledge for Free: The Emergence of Open Educational Resources*, Centre for Educational Research and Innovation.
12. OECD (2007), *Principles and Guidelines for Access to Research Data from Public Funding*.

13. U.S. Department of Education (2015), *Department proposes rule requiring educational materials created with federal grants to be openly licensed so that any school has access.*
14. UNESCO (2011), *A Basic Guide to Open Educational Resources*, Commonwealth of Learning British Columbia, Canada, ISBN 978-1-894975-41-4, có tham khảo bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Thị Huệ (Đài Tiếng nói Việt Nam) và Hoàng Minh Nguyệt (UNESCO Hanoi).
15. UNESCO (2012), *The Paris Open Educational Resources Declaration*, World OER Congress in Paris from 20 – 22 June 2012.
16. WIPO (2016), *Use of the Creative Commons IGO licenses*, Under the WIPO Open Access Policy.